Ký bởi: Văn phòng
Cơ quan: , Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 02.06.2020 15:17:50 +07:00

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1393 /QĐ-UBND | *Hải Phòng, ngày 02 tháng 6 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm triển khai Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Kế hoạch hành động số 646-KH/BCSĐTNMT ngày 23/4/2020 của Ban cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 42/TTr-STNMT ngày 13/02/2020, Công văn số 1705/STN&MT-CCBHĐ ngày 20/5/2020.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm triển khai thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch; Các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP;
- Các phòng NNTNMT, KTGSTĐKT;
- CV: MT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Tùng**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

*Hải Phòng, ngày 02 tháng 6 năm 2020*

# KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM

**Thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Căn cứ Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch hành động số 646-KH/BCSĐTNMT ngày 23/4/2020 của Ban cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, với những nội dung cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

*Đối với Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

Cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu và định hướng chiến lược, xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, nhiệm vụ thường xuyên, có lộ trình và phân công cụ thể cho các Sở, ngành và địa phương nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, đề án, dự án cụ thể cho giai đoạn đến năm 2030.

*Đối với Kế hoạch 5 năm đến năm 2025.*

Xác định rõ các nhiệm vụ cấp bách, cần ưu tiên thực hiện trong giai đoạn. đến năm 2025 nhằm triển khai Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp triển khai các nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp với năng lực và khả năng huy động các nguồn lực của thành phố, bao gồm các nguồn vốn trong và ngoài ngân sách, nguồn vốn đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển.

Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được phê duyệt có nội dung phù hợp với quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**2. Yêu cầu cụ thể**

- Quán triệt sâu sắc, đầy đủ và toàn diện các nội dung của Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Triển khai đồng bộ các lĩnh vực ưu tiên, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển nêu trong Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện năng lực triển khai, điều kiện thực hiện của từng Sở, ngành, địa phương.

- Tạo sự thống nhất trong tư duy và hành động của các cấp, các ngành. Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong một số ngành kinh tế biển; tạo được sự bứt phá về khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên biển, phát triển bền vững kinh tế biển. Đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, bao gồm cả ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Tích hợp, lồng ghép, không trùng lặp, kế thừa kết quả thực hiện trong giai đoạn trước của các nhiệm vụ phân công cho các Sở, ngành, địa phương. Xác định một số nhiệm vụ cụ thể cho giai đoạn 2020 - 2025 và 2026 - 2030.

## II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

*(có danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án cụ thể kèm theo)*

### 1. Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

#### *1.1. Về quản trị biển, quản lý vùng bờ*

- Định kỳ rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, pháp luật về biển, hải đảo đáp ứng yêu cầu: Đổi mới, phát triển mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh quốc tế, hiệu quả đầu tư công của các ngành kinh tế biển, các vùng biển, ven biển; đề xuất hoàn thiện các chính sách hỗ trợ về giá, thuế cho các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế biển, ven biển. Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

- Tiếp tục kiện toàn, đổi mới tổ chức và vận hành hệ thống cơ quan quản lý tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo cấp thành phố đến các địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý về biển, hải đảo có đủ phẩm chất, năng lực, chuyên nghiệp. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý, giữa Nhà nước và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua các cơ chế, công cụ điều phối cụ thể. Kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao năng lực quản lý tổng hợp khu vực quần đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ và vùng cửa sông ven biển.

- Nâng cao chất lượng các quy hoạch, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch. Tăng cường phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc xây dựng, tích hợp các quy hoạch vào quy hoạch thành phố và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được tích hợp liên quan đến biển như: Quy hoạch không gian biển; quy hoạch phát triển du lịch; quy hoạch khai thác, nuôi trồng thủy sản.

- Định kỳ hàng năm đánh giá chỉ số tổng hợp quản trị biển và hải đảo của thành phố trên cơ sở bộ tiêu chí quốc gia làm cơ sở tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Định kỳ 05 năm hai lần đánh giá tổng hợp việc thực hiện các mục tiêu và nội dung trong Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 36-NQ/TƯ, trên cơ sở đó có giải pháp, phương án phù hợp để nâng cao hiệu quả quản trị biển, quản lý vùng bờ. Định kỳ 5 năm thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá toàn diện việc thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị

quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 36-NQ/TƯ và đề ra những chủ trương phù hợp với tình hình trong giai đoạn mới.

***1.2. Về phát triển kinh tế biển, ven biển***

*a) Kinh tế hàng hải*

- Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ hàng hải và vận tải biển lớn của cả nước trọng tâm là khai thác có hiệu quả các cảng biển và dịch vụ vận tải biển; trung tâm dịch vụ logistics quốc gia vào năm 2025 và trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại vào năm 2030. Chủ động và có lộ trình thích hợp để hội nhập quốc tế trong lĩnh vực vận tải biển. Trong đó tập trung khai thác có hiệu quả các cảng biển đã được đầu tư, đầu tư xây dựng hoàn thiện các bến còn lại của cảng Lạch Huyện, nâng cao năng lực của hệ thống cảng biển hiện hữu, xây dựng mới các bến cảng tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ, quân cảng Nam Đồ Sơn. Hoàn thiện đầu tư xây dựng các cảng để tiếp nhận hàng hóa tại khu vực các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ.

- Tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong đó tập trung hoàn thiện đầu tư xây dựng các trung tâm logistics đạt tầm cỡ quốc gia và quốc tế (Lạch Huyện, Nam Đình Vũ, VSIP, Tràng Duệ, Tiên Lãng, chuyên dùng hàng không tại sân bay Cát Bi). Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mới trong phát triển dịch vụ logistics; tối ưu hóa quy trình, thủ tục đóng gói, giao nhận, bốc xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu để giảm thời gian và chi phí trong các khâu thủ tục. Mở rộng kết nối hạ tầng logistics của Hải Phòng với các quốc gia về đường bộ, đường biển, đường sắt, hàng không; phát triển hài hòa giữa các phương thức vận tải nhằm giảm tải cho đường bộ. Đa dạng hóa dịch vụ logistics, thực hiện tối đa chức năng dịch vụ logistics, nâng cao hiệu quả các dịch vụ, đáp ứng về cơ bản nhu cầu về các dịch vụ logistics cũng như vận tải, kho bãi, bốc xếp; phát triển dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, góp phần tăng sức cạnh tranh cho nền kinh tế. Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch để điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

- Thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển, trong đó xác định phân khúc thị trường, loại sản phẩm, dịch vụ và chính sách chất lượng, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các doanh nghiệp phải có năng lực tài chính và kinh nghiệm khai thác vận tải biển mới được cấp giấy phép kinh doanh hàng hóa đường biển quốc tế. Tổ chức nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh của doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt công nghệ tin học, chủ động liên doanh, liên kết.

- Phát triển đội tàu vận tải biển theo hướng hiện đại với chất lượng ngày càng cao, cơ cấu hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; tăng sức cạnh tranh để chủ động hội nhập trong khu vực và thế giới.

*b) Du lịch và dịch vụ biển*

- Rà soát, tích hợp quy hoạch phát triển du lịch vào quy hoạch thành phố; lựa chọn tư vấn trong nước và nước ngoài có uy tín để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển du lịch thành phố đến năm 2030, phù hợp với chiến lược phát triển du lịch Hải Phòng thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Phát triển du lịch chất lượng cao theo hướng chuyên nghiệp, có trọng điểm; chú trọng phát triển theo chiều sâu để đảm bảo chất lượng và tính cạnh tranh. Trong đó đặc biệt coi trọng phát triển du lịch biển, đảo; lấy du lịch biển, đảo làm cơ sở, nền tảng phát triển các loại hình du lịch khác. Xây dựng du lịch biển có quy mô, tầm cỡ quốc gia, khu vực, có chất lượng; hình thành cơ sở và dịch vụ cho các sản phẩm du lịch thể thao và sinh thái biển, các sự kiện văn hóa, thể thao gắn với biển, đảo.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển, hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao, các loại hình du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng.

- Phát triển các tuyến du lịch ra đảo Bạch Long Vĩ và vùng biển xa bờ kết hợp với dịch vụ biển khác. Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hoá các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của thành phố, kết nối với các tuyến du lịch quốc tế. Tổ chức các lễ hội tôn vinh văn hóa biển, ẩm thực biển, tạo sức hấp dẫn du khách trong và ngoài nước đến với thành phố.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi để người dân ven biển chuyển đổi nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động việc làm, sử dụng đất đa mục đích, trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ hoạt động du lịch. Hỗ trợ về giá, thuế cho các doanh nghiệp du lịch đầu tư phát triển sản phẩm du lịch sinh thái biển, đảo, các tuyến du lịch ra đảo Bạch Long Vĩ. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ cứu hộ, cứu nạn; phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch và dịch vụ biển.

*c) Công nghiệp ven biển*

- Đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo 100% các khu, cụm công nghiệp đều có hệ thống xử lý môi trường đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao để thu hút các ngành công nghiệp công nghệ mới. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo mũi nhọn, công nghiệp biển: Cơ khí chế tạo *(ưu tiên phát triển các sản phẩm: Ô tô, cơ khí siêu trường, siêu trọng, tàu thủy, máy móc thiết bị phục vụ các ngành kinh tế)*; điện tử tin học *(ưu tiên phát triển các sản phẩm: Thiết bị điện tử, điện lạnh, các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao)*; công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn nhằm nâng cao giá trị sản xuất và tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên thu hút công nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục liên quan đến thu hút đầu tư, môi trường kinh doanh.

- Không thu hút đầu tư những dự án gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu và giá trị gia tăng thấp, chỉ cấp phép đầu tư mới đối với các dự án phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, chứng minh được nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

*d) Nuôi trồng và khai thác hải sản*

- Tập trung nguồn lực, xây dựng cơ cấu lại ngành thủy sản để thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ, với các thế mạnh về nuôi trồng, khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm trong khai thác và sau thu hoạch; đào tạo nguồn nhân lực thủy sản và là cửa ngõ xuất khẩu sản phẩm thủy sản. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ, hậu cần đồng bộ trên biển, hải đảo, đáp ứng yêu cầu nghề cá lớn: Xây dựng cảng động lực và nâng cấp, cải tạo tổ hợp cảng cá, bến cá kết hợp với các khu neo đậu tránh trú bão, hiện đại hóa các phân khu chức năng như Trung tâm cảnh báo thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hệ thống sản xuất, cung ứng vật tư phục vụ khai thác, nuôi trồng thủy sản...; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo nghề thủy sản, đề nghị thành lập Trường Đại học Thủy sản tại Hải Phòng. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa sản xuất thủy sản gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biển đảo. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực *(đất đai, lao động, kết cấu hạ tầng)*, sản xuất thủy sản hàng hóa theo chuỗi giá trị. Thành lập trung tâm kiểm soát, cứu hộ, cứu nạn tàu cá tại đảo Bạch Long Vĩ, trung tâm đăng kiểm tàu cá cấp vùng và phát triển đội tàu dịch vụ khai thác hải sản trên biển.

- Phát triển đội tàu dịch vụ, khai thác hải sản trên biển viễn dương, có chính sách chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nghề khai thác thân thiện với môi trường. Chuyển dịch ngư trường từ vùng biển ven bờ ra vùng lộng sang vùng khơi, vùng viễn dương, góp phần bảo vệ an ninh biên giới hải đảo, duy trì phục hồi các hệ sinh thái biển và nguồn lợi thủy sản. Chuyển đổi từ các mô hình

nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường; điều chỉnh sản lượng khai thác và số lượng tàu cá khai thác xa bờ phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thuỷ sản, trong đó tiếp tục giảm các hình thức đánh bắt tận diệt nguồn lợi thuỷ sản.

- Hàng năm đẩy mạnh điều tra, đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loại thủy sản làm cơ sở quy hoạch, công bố hạn ngạch tổ chức sản xuất và cơ cấu nghề; nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong khai thác, công nghệ bảo quản sau thu hoạch để nâng cao hiệu quả; gắn kết các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần nghề cá, nhằm thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thuỷ sản và tiêu thụ.

- Xây dựng và vận hành các mô hình tổ chức sản xuất trong nuôi trồng và khai thác hải sản hợp lý, thân thiện với môi trường; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của môi trường và nguồn lợi thuỷ sản; nâng cao mức sống cho cộng đồng ngư dân, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên vùng biển, đảo của thành phố.

- Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ thành trạm cung cấp, tiếp tế nhu yếu phẩm, hậu cần khai thác thủy sản, neo đậu tàu tránh trú bão, cung cấp các nguồn năng lượng và sơ chế hải sản cho tàu cá đánh bắt xa bờ.

- Nghiên cứu ứng dụng mô hình, hoàn thiện các cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư đối với các công trình nuôi biển; chế biến, bảo quản, xuất khẩu hải sản và hiện đại hóa đội tàu khai thác vùng biển khơi, viễn dương và hệ thống hậu cần nghề cá. Thành lập, hỗ trợ tổ đội đoàn kết, tập đoàn, nghiệp đoàn trong khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản ở vùng biển xa bờ và viễn dương.

*đ) Phát triển kinh tế huyện đảo*

- Quy hoạch, xây dựng huyện Cát Hải thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tầm quốc gia và quốc tế; trung tâm dịch vụ thủy sản và hậu cần nghề cá của Vùng duyên hải Bắc Bộ (khu vực đảo Cát Bà); trở thành khu công nghiệp, trung tâm công nghệ cao, dịch vụ cảng biển và vận tải biển quan trọng của thành phố và các tỉnh phía Bắc (khu vực đảo Cát Hải); giữ vị trí trọng yếu về an ninh, quốc phòng.

- Xây dựng huyện Bạch Long Vĩ phát triển bền vững về kinh tế - xã hội, vững mạnh về quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển Vịnh Bắc Bộ của Tổ quốc; ưu tiên bố trí nguồn lực nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại: Bến neo đậu, cầu cảng; hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải nguy hại; tăng cường phương tiện giao thông kết nối

đất liền và đảo, tăng cường cung cấp điện và nước sạch để thu hút các nguồn đầu tư, khai thác tiềm năng của huyện gắn với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng, trở thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc.

*e) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới*

- Đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng từ sóng biển phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố. Phát triển một số ngành kinh tế biển mới dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như rừng ngập mặn, dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển.

- Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị.

- Hỗ trợ đầu tư cho các chương trình điều tra, nghiên cứu, chế tạo thử, xây dựng các điểm điển hình sử dụng năng lượng tái tạo; triển khai các chính sách ưu đãi thuế nhập thiết bị, công nghệ mới, thuế sản xuất, lưu thông các thiết bị; bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

*f) Hoàn thiện kết cấu hạ tầng ven biển, hải đảo*

- Phối hợp cùng Chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường bộ ven biển, các tuyến quốc lộ (đoạn qua Hải Phòng), kết nối liên thông hệ thống cảng biển với các địa phương trong nước và quốc tế phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp ven biển. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch cho khu vực Đồ Sơn, Cát Bà. Tập trung nguồn lực đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến hành lang đường thủy, hệ thống đê chắn sóng, chắn cát, kè chỉnh trị trên một số tuyến luồng hàng hải bảo đảm ổn định khai thác luồng. Tập trung nguồn lực hoàn thiện cơ sở hạ tầng bến tàu thủy quốc tế, cảng khí hóa lỏng (LNG) tại khu vực Đình Vũ và các tuyến luồng hàng hải theo quy hoạch chung xây dựng thành phố được duyệt. Xây dựng, phát triển một số khu đô thị ven biển theo hướng hiện đại, sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh.

- Đến năm 2030, đầu tư một số công trình qua các tuyến sông Cấm, Lạch Tray, Văn Úc, Thái Bình... theo quy hoạch được phê duyệt; đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và đường sắt kết nối Cảng quốc tế Hải Phòng.

- Sau năm 2030, nghiên cứu đầu tư xây dựng Cảng Hàng không quốc tế Tiên Lãng; nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị, trong đó có các tuyến tàu điện ngầm nội đô.

***1.3. Về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển***

- Phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hoá dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển, làm nền tảng để xây dựng văn hoá biển. Xây dựng xã hội, ý thức, lối sống, hành vi văn hoá gắn bó, thân thiện với biển. Phát huy tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng dân cư vùng biển, ven biển.

- Thực hiện thống kê, đánh giá chỉ số phát triển con người và so sánh với chỉ số phát triển con người trung bình của cả nước hàng năm. Bổ sung và xây dựng đầy đủ hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục tại 02 huyện đảo Cát Hải và Bạch Long Vĩ.

- Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho người dân sinh sống và làm việc ở vùng biển, hải đảo được tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế có chất lượng, nhằm nâng cao sức khỏe của người dân, bao gồm: Củng cố mạng lưới y tế khu vực biển, hải đảo đủ năng lực và phù hợp với đặc thù hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân vùng biển, hải đảo; phát triển nguồn nhân lực y tế đủ về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân; trang bị kiến thức cho người dân có thể tự bảo vệ sức khỏe, biết tự sơ cấp cứu và đưa người bị nạn đến các cơ sở y tế bảo đảm an toàn; thực hiện đầy đủ các quy định quốc tế về đảm bảo y tế cho hoạt động trên biển.

- Phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển, bao gồm: Cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế và nguồn kinh phí hoạt động. Duy trì, phục hồi và phát triển các lễ hội, di tích lịch sử, văn hóa; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên, duy trì, phát triển các trung tâm văn hoá đặc trưng tại các quận, huyện ven biển.

- Triển khai thực hiện việc giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, khả năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh trong tất cả các bậc học. Xây dựng cơ chế đồng bộ trong việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển, bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

***1.4. Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển***

- Xây dựng các trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến: Công nghệ sinh học biển, công nghệ viễn thám trong giám sát biển trên cơ sở kế thừa và phát triển nguồn lực sẵn có. Đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ biển.

- Đầu tư trọng điểm và có phương án hỗ trợ các chương trình, cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục các ngành kinh tế biển; tăng cường vai

trò, đầu tư nâng cấp các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, khai thác, xây dựng kết cấu hạ tầng các ngành kinh tế biển, tự động hóa, bảo vệ môi trường biển, logistics; thực hiện các chính sách thu hút, khích lệ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế làm việc và cống hiến cho công tác quản lý biển, đảo của thành phố.

- Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng kinh tế biển, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Thúc đẩy và tham gia tích cực các hoạt động quốc tế về khoa học biển; thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào thành phố Hải Phòng trong lĩnh vực kinh tế biển.

***1.5. Về bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng***

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế biển, các khu đô thị, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp ven biển; nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, góp phần xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố cảng xanh, văn minh, hiện đại, thông minh. Triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, đảm bảo an toàn tính mạng người dân và tài sản, giảm phát thải khí nhà kính. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với những thay đổi bất thường của khí hậu, thời tiết, điều kiện nước biển dâng. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn. Mở rộng hợp tác quốc tế và đẩy mạnh xã hội hoá trong công tác bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với các Bộ, ngành trung ương tiếp tục rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Vận hành có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia. Triển khai các dự án điều tra, đánh giá đa dạng sinh học tại khu vực quần đảo Cát Bà. Tham gia trao đổi thông tin trong hệ thống các khu bảo tồn biển liên quốc gia.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ điều tra, nghiên cứu khoa học làm cơ sở xác định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu bảo tồn biển Cát Bà và thành lập mới các khu bảo tồn đất ngập nước. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho cộng đồng địa phương.

- Thực hiện các chương trình đề tài, dự án phát triển hệ sinh thái biển; đánh giá hiệu quả quản lý các khu bảo tồn biển, rà soát và điều chỉnh quy hoạch phù hợp với các thời kỳ, thiết lập và đưa vào hoạt động các khu bảo tồn tiềm năng mới; nghiên cứu phát triển và khai thác hợp lý nguồn dược liệu biển; ứng dụng công nghệ cao, các giải pháp kỹ thuật hiệu quả cho các hoạt động phục hồi và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển.

- Nghiên cứu, xây dựng trung tâm cứu hộ động vật biển tại khu bảo tồn biển Cát Bà. Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai; phòng, chống biển xâm thực, xói sạt lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn; hoàn thiện chính sách tài chính và bảo hiểm rủi ro thiên tai.

- Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường, hoá chất độc trên biển; quản lý rác thải biển, rác thải nhựa; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường khu vực ven biển theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 05/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

***1.6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế***

- Tập trung xây dựng vững chắc thế trận biên phòng toàn dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững trắc tại khu vực biển; tăng cường khả năng hiệp đồng, phối hợp các lực lượng của quân khu, quân chủng trong việc bảo vệ chủ quyền và các quyền lợi chính đáng của thành phố và quốc gia.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo. Xây dựng lực lượng vững mạnh, nòng cốt là Hải quân, Không quân, Cảnh sát biển và Bộ đội Biên phòng, kết hợp cùng các lực lượng kiểm ngư, dân quân tự vệ biển… bảo đảm năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và thực thi pháp luật trên biển, nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trên biển, làm chỗ dựa vững chắc cho nhân dân tham gia các hoạt động phát triển kinh tế biển; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên biển thông qua hoạt động kinh tế - quốc phòng.

- Củng cố vững chắc thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vùng biển, đảo của thành phố. Xây dựng lực lượng công an khu vực ven biển, đảo, vững mạnh toàn diện, làm nòng cốt cho bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng biển, đảo, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng các

vấn đề về biển, đảo để chống phá. Giữ vững ổn định chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh tại vùng ven biển, hải đảo.

- Đẩy mạnh dân sự hoá trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển; khuyến khích nhân dân ra huyện đảo Bạch Long Vĩ định cư lâu dài và phát triển kinh tế trên các vùng biển xa kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; kết hợp kinh tế với quốc phòng tại các huyện đảo.

- Thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển, đại dương mà Việt Nam đã tham gia; tích cực tham gia vào quá trình đàm phán, xây dựng các điều ước quốc tế; ký kết các thỏa thuận hợp tác mới, mở rộng tham gia vào các tổ chức quốc tế đa phương về các lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học biển. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, địa phương và các tổ chức quốc tế để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển.

**2. Kế hoạch 5 năm đến năm 2025**

***2.1. Về quản trị biển và quản lý vùng bờ***

- Phối hợp với các Bộ, ngành, trung ương thực hiện rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển và hải đảo; xây dựng chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững kinh tế biển; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tạo cơ chế, chính sách hình thành các tập đoàn doanh nghiệp lớn trong ngành kinh tế biển. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; hoàn chỉnh các quy định về quản lý vùng bờ, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các hoạt động lấn biển.

- Trên cơ sở bộ tiêu chí, chỉ tiêu quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển, xây dựng bộ tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển của thành phố. Xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số tổng hợp quản lý vùng biển, ven biển của thành phố theo chuẩn mực quốc tế.

- Ban hành và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thành phố giai đoạn 2020 - 2025. Hoàn thành lập quy hoạch thành phố theo quy định của Luật Quy hoạch, trong đó tích hợp quy hoạch không gian biển và các quy hoạch chuyên ngành liên quan đến biển, đảm bảo tập trung nguồn lực đầu tư vào các ngành dịch vụ, vận tải và du lịch biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, ưu tiên ngân sách cho phát triển huyện đảo Cát Hải, Bạch Long Vĩ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế biển của thành phố.

- Tăng cường nguồn lực cho công tác điều tra, khảo sát tài nguyên biển. Ứng dụng công nghệ viễn thám, nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển;

tăng cường cơ sở vật chất, năng lực quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo cho Chi cục Biển và Hải đảo - Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành chỉ đạo thống nhất kế hoạch phát triển bền vững kinh tế biển của thành phố. Kiện toàn bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục Biển và Hải đảo theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành thực hiện kế hoạch phát triển bền vững kinh tế biển của thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tăng cường năng lực cho Chi cục Biển và Hải đảo để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ về quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo và nhiệm vụ Văn phòng Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

- Tham gia xây dựng và vận hành cơ chế phối hợp, liên thông trong cấp phép nhận chìm ở biển, xả nước thải vào môi trường biển, giao khu vực biển nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

- Hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố. Triển khai lập hồ sơ hải đảo. Xây dựng và hiện đại hóa cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường biển và hải đảo, kết nối với trung ương phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Xây dựng và thực hiện Chương trình quan trắc tổng hợp tài nguyên, môi trường biển. Triển khai đề án điều tra phân loại các nguồn thải trên biển và các giải pháp xử lý.

- Định kỳ tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Hải Phòng nhằm đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU của Ban thường vụ thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Nghị quyết số 36-NQ/TƯ, đồng thời huy động sự hợp tác và các nguồn lực phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Xây dựng và thí điểm triển khai mô hình quản trị biển thông minh, tiên tiến ứng dụng công nghệ 4.0 tại huyện đảo Cát Hải và một số quận, huyện có biển. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển (sau khi trung ương ban hành) trên địa bàn thành phố.

- Đa dạng hoá hình thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tri thức về biển và hải đảo tới mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố và du khách quốc tế. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình truyền thông về biển và hải đảo của thành phố đến năm 2025.

***2.2. Về phát triển kinh tế biển, ven biển***

*a) Kinh tế hàng hải*

- Rà soát, đề xuất bổ sung, hoàn thiện quy hoạch hệ thống cảng biển. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và tập trung đầu tư xây dựng các bến số 3, 4, 5, 6 cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng; khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cảng Chùa Vẽ, cảng Đình Vũ và xây dựng mới cảng khu công nghiệp Nam Đình Vũ, tuyến đường sắt nối cảng biển Hải Phòng và Lạch Huyện, cảng hành khách tại khu vực Bến Bính, Cát Hải, Cát Bà. Phối hợp cùng Bộ Giao thông vận tải, các Nhà đầu tư nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và tập trung đầu tư, xây dựng trung tâm logistics Lạch Huyện và Nam Đình Vũ, VSIP, Tràng Duệ, Tiên Lãng, chuyên dùng hàng không tại sân bay Cát Bi, phát triển trung tâm logistics và dịch vụ logistics theo quy hoạch logistics của thành phố; đổi mới công nghệ, khai thác đồng bộ, có hiệu quả các cảng biển tổng hợp, cảng trung chuyển quốc tế, cảng chuyên dùng gắn với các dịch vụ hỗ trợ. Thu hút các tàu trọng tải lớn vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đi các tuyến vận tải biển xa; tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý cảng biển, hãng tàu biển nước ngoài để thu hút nguồn hàng thông qua cảng biển.

- Tiếp tục tái cơ cấu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển, theo hướng xác định cụ thể phân khúc thị trường, loại sản phẩm, dịch vụ và chính sách chất lượng, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Chỉ cấp giấy phép kinh doanh hàng hóa đường biển quốc tế đối với các doanh nghiệp có năng lực tài chính và kinh nghiệm khai thác vận tải biển. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh của doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt công nghệ tin học, chủ động liên doanh, liên kết.

- Phát triển các tuyến vận tải hành khách ven biển, từ bờ ra đảo, xây dựng cảng hành khách tại khu vực Bến Bính, Hoàng Diệu, Cát Hải, Cát Bà. Tiếp tục phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, vận tải đa phương thức, nâng cao chất lượng dịch vụ logistics.

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện, tháo gỡ các khó khăn, rào cản, tạo động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đội tàu biển.

- Phối hợp cùng Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam đầu tư nâng cấp, nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải; lắp đặt, bảo trì hệ thống báo hiệu; đầu tư xây mới, bảo trì các đèn biển, nhà trạm... đặc biệt trên các tuyến, luồng vào cảng quốc tế và khu vực quần đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ. Cải tạo hệ thống đường thủy nội địa nối Hải Phòng với một số địa phương phía Bắc. Khai thác hiệu quả các tuyến vận tải biển nội địa nhằm giảm tải cho đường bộ; góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng vận tải.

*b) Du lịch và dịch vụ biển*

- Thu hút đầu tư phát triển các loại hình sản phẩm du lịch thể thao và sinh thái biển, các sự kiện văn hóa, thể thao gắn với biển đảo làm cốt lõi du lịch Hải Phòng, dẫn dắt, hỗ trợ phát triển các loại hình du lịch gắn với nông nghiệp và nông thôn, du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng trên cơ sở nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển du lịch của thành phố phù hợp với bộ tiêu chí quốc gia về du lịch và chiến lược phát triển du lịch Hải Phòng thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín, xây dựng Cát Bà, Đồ Sơn thành trung tâm du lịch cấp quốc gia, quốc tế; khuyến khích các nhà đầu tư trang bị mới và cải tạo đội tàu du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch trong nước và quốc tế. Thí điểm phát triển loại hình du lịch sinh thái tại đảo Bạch Long Vĩ.

- Đề xuất bổ sung danh mục ưu đãi đầu tư bao gồm các dự án tại các địa bàn trọng điểm, khu vực động lực phát triển bền vững du lịch. Xây dựng, đổi mới các công cụ và phương thức quảng bá du lịch theo hướng tiếp cận các công nghệ, kỹ thuật số hiện đại. Phát huy yếu tố văn hóa của từng địa phương trong phát triển du lịch biển để tạo dấu ấn riêng và thu hút khách du lịch. Tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch biển đảo gắn với các sự kiện văn hóa, lễ hội, thể dục thể thao, hội chợ, hội nghị, hội thảo. Tổ chức các đoàn Famtrip, Presstrip để tăng cường liên kết, nối tour đưa khách về tham quan các khu du lịch biển và quảng bá hình ảnh điểm đến. Tổ chức đoàn xúc tiến du lịch và học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình phát triển du lịch trong và ngoài nước để xây dựng sản phẩm mới, đặc trưng, có sức cạnh tranh cao.

- Quan tâm giáo dục, phát triển nhân lực tại các địa phương có biển để khai thác các tài nguyên biển một cách bền vững phục vụ dân sinh. Tích cực thực hiện các chương trình hỗ trợ ngư dân bám biển, hỗ trợ người dân phát triển du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp và thủy sản.

- Phát triển du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, sử dụng năng lượng sạch trong phát triển du lịch biển, đảo. Phát triển du lịch 'xanh" gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa bản địa. Tăng cường bảo vệ môi trường tại các khu du lịch biển; tổ chức thu gom rác thải trên biển, đảo. Khuyến khích phát triển các loại hình giao thông thân thiện với môi trường tại các khu du lịch biển.

*c) Công nghiệp ven biển*

- Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp ven biển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục liên quan đến thu hút đầu tư, môi trường kinh doanh.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2025. Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo các khu, cụm công nghiệp đều có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, đầu tư có điều kiện và không chấp thuận đầu tư trên địa bàn thành phố giai đoạn đến năm 2025 theo hướng ưu tiên các ngành công nghiệp chế biến sâu, các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học - công nghệ cao, công nghiệp biển, công nghiệp điện tử, điện gia dụng, công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn để gia tăng giá trị, không chấp thuận đầu tư các ngành sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và gia tăng phát thải khí nhà kính; không thu hút đầu tư những dự án gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu và giá trị gia tăng thấp, chỉ cấp phép đầu tư mới đối với các dự án chứng minh được nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, công nghệ tiên tiến, hiện đại. Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng đến năm 2025.

*d) Nuôi trồng và khai thác hải sản*

- Cơ cấu lại ngành thủy sản để Hải Phòng thực sự trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ với các thế mạnh về nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; đào tạo nguồn nhân lực thủy sản và là cửa ngõ xuất khẩu sản phẩm thủy sản. Thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa sản xuất thủy sản gắn với xây dựng nông thôn mới vùng ven biển, hải đảo.

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loại thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm làm cơ sở quy hoạch, tổ chức sản xuất và quản lý đối với khai thác hải sản; nghiên cứu, áp dụng các phương pháp, ngư cụ, thiết bị khai thác tiên tiến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch để nâng cao hiệu quả. Hoàn thiện tích hợp quy hoạch khai thác, nuôi trồng hải sản trong quy hoạch thành phố.

- Phát triển đội tàu dịch vụ khai thác hải sản trên biển. Có chính sách chuyển đổi nghề khai thác thủy sản gây hại môi trường, nguồn lợi thủy sản sang nghề khai thác thân thiện với môi trường. Chuyển dịch ngư trường từ vùng biển ven bờ ra vùng lộng và vùng khơi, góp phần bảo vệ, duy trì các hệ sinh thái biển và nguồn lợi thuỷ sản khu vực quần đảo Cát Bà - Long Châu. Chuyển đổi từ các mô hình nuôi trồng thuỷ sản quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, ven bờ sang nuôi công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, xa bờ, bền vững, bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện các chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư đối với các công trình nuôi biển; chế biến, bảo quản, xuất khẩu hải sản; hiện đại hóa hệ thống hậu cần nghề cá. Thành lập, hỗ trợ một số doanh nghiệp nòng cốt trong khai thác, nuôi trồng, chế biến thuỷ sản ở vùng biển xa bờ và viễn dương.

*đ) Phát triển kinh tế huyện đảo*

- Đầu tư, xây dựng các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tầm quốc gia và quốc tế tại khu vực quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải; hoàn thiện, đưa vào vận hành trung tâm dịch vụ thủy sản và hậu cần nghề cá Trân Châu; hoàn chỉnh hạ tầng kĩ thuật khu công nghiệp, khu dịch vụ cảng biển và vận tải biển.

- Tăng cường phương tiện giao thông kết nối đất liền và huyện đảo Bạch Long Vĩ; hoàn thành dự án cung cấp điện và nước sạch để thu hút các nguồn đầu tư, khai thác tiềm năng của huyện gắn với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng; triển khai các dự án cảng cá động lực, khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão, hoàn thiện trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn.

- Xây dựng quy trình sản xuất khép kín dựa trên công nghiệp nuôi trồng, khai thác, chế biến, xử lý các sản phẩm ngành thủy sản kết hợp phát triển nông nghiệp công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu tại hai huyện đảo làm nền tảng cho sự phát triển bền vững.

*e) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới*

- Triển khai đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố. Thí điểm phát triển một số ngành kinh tế biển mới dựa vào khai thác tài nguyên, đa dạng sinh học biển như rừng ngập mặn, dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển.

- Phát triển năng lượng tái tạo trên đảo Bạch Long Vĩ phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phối hợp đầu tư khai thác nguồn năng lượng biển mới và tái tạo. Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng từ sóng biển trên các vùng biển và hải đảo.

*f) Về hoàn thiện kết cấu hạ tầng ven biển, hải đảo*

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp ven biển. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch cho khu vực Đồ Sơn, Cát Bà. Tập trung nguồn lực đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến hành lang đường thủy, hệ thống đê chắn sóng, chắn cát, kè chỉnh trị trên một số tuyến luồng hàng hải bảo đảm ổn định khai thác luồng.

- Hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ (đoạn qua Hải Phòng), tuyến đường bộ ven biển; xây dựng đường và cầu Tân Vũ - Lạch Huyện 2; xây dựng, nâng cấp các tuyến đường kết nối liên tỉnh Hải Phòng với Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần đồng bộ khu vực ven biển, nâng cấp hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, cung cấp nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục trên các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ.

- Xem xét, bổ sung các dự án kết cấu hạ tầng ven biển, hải đảo, xây dựng, phát triển một số khu đô thị ven biển theo hướng hiện đại, sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh vào danh mục các dự án ưu tiên thực hiện trong quy hoạch thành phố.

***2.3. Về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển***

- Thực hiện bộ tiêu chí chuẩn về y tế cho vùng biển, đảo theo quy định của Bộ Y tế; đào tạo, bổ túc bác sỹ về y học biển để có đủ năng lực cấp cứu, khám chữa bệnh các bệnh lý đặc thù biển cho các bệnh viện, trung tâm y tế huyện đảo Cát Hải và Bạch Long Vĩ. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp đảm bảo 100% xã đảo độc lập thuộc huyện Cát Hải có trạm y tế xã đạt tiêu chí chuẩn y tế cho vùng biển, đảo theo quy định của Bộ Y tế. Nâng cấp bệnh viện, trung tâm y tế huyện đảo Cát Hải và Bạch Long Vĩ đáp ứng yêu cầu triển khai kỹ thuật ngoại khoa tương đương bệnh viện hạng 2 và được trang bị hệ thống trợ giúp y tế từ xa. Đầu tư cho trung tâm cấp cứu 115 đủ khả năng phối hợp cấp cứu, vận chuyển cấp cứu bệnh nhân trên biển, đảo về đất liền. Hoàn thiện hạ tầng kĩ thuật, thu gom, xử lý nước thải, chất thải y tế tại các quận, huyện ven biển và các huyện đảo Cát Hải, Bạch Long Vĩ.

- Đánh giá hiện trạng thiết chế văn hoá và xây dựng các giải pháp nhằm duy trì thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư ven biển, bao gồm bộ máy tổ chức cơ sở vật chất, nhân sự, quy chế, cơ sở vật chất và nguồn kinh phí hoạt động. Phục hồi, nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm văn hóa biển đặc trưng trên địa bàn thành phố.

- Triển khai các chương trình giáo dục về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh ở các cấp học; giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư tại các quận, huyện có biển. Xây dựng các giải thưởng, tổ chức các cuộc thi về biển và đại dương nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tham gia các hoạt động về biển và hải đảo. Nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh hàng hải cho người đi biển và ngư dân.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển tại các khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

- Hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng chính sách trên địa bàn thành phố. Tạo điều kiện để mọi người dân được tiếp cận bình đẳng, thuận lợi, đầy đủ với chất lượng ngày càng cao của các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, việc làm, điện, nước sạch... Quan tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân hai huyện đảo.

- Triển khai thực hiện các chương trình việc làm, đào tạo nghề, tăng thu nhập cho người lao động. Ban hành các quy định cải thiện môi trường lao động, giảm thiểu tai nạn lao động. Gắn kết nhu cầu về lao động giữa thành phố Hải Phòng với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và thị trường lao động cả nước. Xây dựng các khu nhà ở công nhân, hoàn thiện các công trình hạ tầng xã hội, văn hóa, thể thao cho người lao động trong các khu công nghiệp.

***2.4. Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển***

- Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp thành phố về biển và hải đảo theo hướng thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến: Công nghệ sinh học biển, công nghệ viễn thám trong giám sát biển; đẩy mạnh nghiên cứu, xác lập luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển bền vững kinh tế biển, phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; nghiên cứu gắn với điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ (công nghệ sinh học biển, công nghệ viễn thám trong giám sát biển) đạt trình độ tương đương khu vực ASEAN.

- Triển khai có hiệu quả trên địa bàn thành phố Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học biển đến năm 2025 được ban hành theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu quản lý và khai thác có hiệu quả các tài nguyên biển tại các vùng nước xa bờ phục vụ phát triển kinh tế biển; nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới trong phát triển các ngành kinh tế biển quan trọng của thành phố như cảng biển, dịch vụ cảng và hàng hải, du lịch, đóng tàu và phương tiện nổi, dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến hải sản; nghiên cứu các giải pháp công nghệ phát triển hệ thống logistics của thành phố. Ứng dụng công nghệ tiên tiến sản xuất các loại giống thủy sản sạch bệnh, có chất lượng, cải tiến ngư cụ, dự báo ngư trường, nguồn lợi thủy sản, bảo quản sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ môi trường biển, phòng chống suy thoái hệ sinh thái tại các khu vực bảo tồn biển Cát Bà, Bạch Long Vĩ; cảnh báo

thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường tiên tiến, áp dụng cho vùng kinh tế ven biển. Xây dựng các chính sách phát triển thị trường khoa học - công nghệ, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, sử dụng có hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, nhân lực chất lượng cao, nhất là ở các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về biển, trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố, tạo sự liên kết giữa nghiên cứu và ứng dụng trong thực tế.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, kĩ năng sinh tồn, phòng tránh thiên tai trong tất cả các bậc học. Chú trọng đào tạo, nâng cao phát triển nguồn nhân lực tại chỗ có chất lượng cao, nhất là cho công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ cảng biển, logistics và các ngành kinh tế biển của thành phố. Đổi mới đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành du lịch.

- Mở rộng hợp tác, hội nhập quốc tế về đạo tạo nhân lực có tay nghề cao, nhân lực khoa học và công nghệ biển. Có chính sách thu hút các chuyên gia có trình độ đến Hải Phòng tham gia nghiên cứu, giảng dạy. Thực hiện đặt hàng đào tạo nhân lực trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng cấp độ quốc gia, quốc tế.

- Quy hoạch và nâng cấp các cơ sở đào tạo nghề hiện có. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa đào tạo theo hướng bám sát nhu cầu thị trường lao động. Đề xuất triển khai nâng cấp các cơ quan nghiên cứu khoa học biển, y học biển, cơ sở nghiên cứu khoa học do các Bộ quản lý trên địa bàn thành phố ngang tầm trọng điểm quốc gia.

- Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào thành phố Hải Phòng trong các nhóm ngành: Du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

***2.5. Về môi trường, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng***

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải trên biển, từ đất liền ra biển; tập trung kiểm soát các nguồn thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu vực đô thị ven biển; hoàn thiện hạ tầng kĩ thuật thu gom, xử lý chất thải y tế tại các huyện đảo Cát Hải, Bạch Long Vĩ. Từ năm 2020, triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại thay cho việc chôn lấp chất thải phục vụ khu vực nội thành. Định kỳ cập nhật thông tin về môi trường biển vào hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển của thành phố, kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Quản lý và bảo vệ chặt chẽ nguồn nước, môi trường các lưu vực sông, xử lý ô nhiễm khu vực cửa sông ven biển; triển khai các dự án bảo tồn đa dạng sinh học và các khu vực rừng nguyên sinh, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ. Điều tra bổ sung thu thập số liệu đa dạng sinh học tại khu vực quần đảo Cát Bà và vùng lân cận, các hệ sinh thái biển điển hình làm cơ sở thiết lập khu bảo tồn biển, xác định được các khu vực mới có tiềm năng thiết lập vùng bảo tồn. Nghiên cứu và ưu tiên các mô hình bảo tồn và phát triển bền vững, giữ gìn cảnh quan, môi trường trên quần đảo Cát Bà.

- Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của thành phố giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 05/KH -UBND ngày 05/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quản lý tổng hợp chất thải rắn trên địa bàn thành phố và Kế hoạch hành động quốc gia quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai các dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần; phòng, chống xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn. Triển khai Chương trình quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường biển, ứng phó có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường biển. Thực hiện tốt các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu của thành phố.

***2.6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế***

- Triển khai, thực hiện tốt quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng; xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch thế trận quân sự khu vực phòng thủ đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh của thành phố với cả nước vừa bảo đảm quốc phòng - an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển thành phố. Tăng cường bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh mạng, an ninh môi trường phục vụ triển khai thực hiện đúng, đầy đủ, hiệu quả các chủ trương, giải pháp nêu trong Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy,

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị quyết 36-NQ/TƯ, các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển.

- Giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, kéo dài, nhất là các vụ khiếu kiện liên quan đến đất đai, ô nhiễm môi trường, tôn giáo, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự an toàn ở các vùng biển và ven biển. Kiềm chế sự gia tăng, kéo giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và hành vi vi phạm pháp luật; giảm các loại tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh vùng biển, đảo của thành phố.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tại khu vực biên giới biển, trong quản lý cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, người nước ngoài, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Bố trí đầy đủ lực lượng Công an chính quy tại tất cả các xã ven biển, các huyện Cát Hải, Bạch Long Vĩ, làm nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, đáp ứng nhu cầu công tác bảo vệ an ninh, trật tự vùng biển, đảo.

- Thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển, đại dương mà Việt Nam đã tham gia; tích cực tham gia vào quá trình đàm phán, xây dựng các diều ước quốc tế, ký kết các thỏa thuận hợp tác mới, mở rộng tham gia vào các tổ chức quốc tế đa phương về các lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học biển.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển cảng biển, giao thông ven biển và vận tải biển. Tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, đại phương và các tổ chức quốc tế để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tích cực tham gia các hội thảo, diễn đàn quốc tế về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu... nhằm chia sẻ và tiếp thu những kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn, khoa học kĩ thuật, phục vụ phát triển kinh té biển của thành phố.

- Ưu tiên củng cố, cải tạo, xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh phòng thủ tuyến biên giới trên biển, đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn, Tiên Lãng, xây dựng quân cảng Nam Đồ Sơn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến trong khu vực phòng thủ của thành phố, xây dựng trung tâm tìm kiếm cứu nạn trên biển tại khu vực đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn.

- Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phối hợp giữa các lực lượng vũ trang. Chủ động phát hiện và đấu tranh làm thất bại mọi hoạt động chống phá các

thế lực thù địch; từng bước loại trừ các nhân tố gây mất ổn định bên trong; giữ vững ổn định an ninh chính trị thành phố. Nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Triển khai các kế hoạch tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm để mọi người dân; có chính sách hỗ trợ ngư dân vươn khơi, bám biển để mọi tầng lớp xã hội chung tay bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng biển đảo của thành phố.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Thiết lập cơ chế điều phối liên ngành

Kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành chỉ đạo toàn diện việc triển khai Kế hoạch này; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá toàn diện việc thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 36-NQ/TƯ, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

### 2. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương

2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố việc kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện kế hoạch phát triển bền vững kinh tế biển; kiện toàn tổ chức bộ máy về quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát, đánh giá tổng thể và đề xuất sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về biển và hải đảo.

- Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu cần).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Chỉ đạo liên ngành theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững kinh tế biển để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp đã đề ra từ diễn đàn lần trước và thảo luận, đề xuất các định hướng chiến lược, giải pháp mới với kết quả và thời hạn hoàn thành cụ thể theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo liên ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố.

2.2. Sở Tư pháp

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát, đánh giá tổng thể và đề xuất sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về biển và hải đảo để thực hiện đầy đủ và toàn diện các nội dung được đề ra trong Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 36-NQ/TƯ.

2.3. Sở Ngoại vụ

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về biên giới, lãnh thổ quốc gia trên biển làm đầu mối phối hợp với Bộ Ngoại Giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong triển khai chương trình, kế hoạch thông tin tuyên truyền về biển, hải đảo của thành phố đã được phê duyệt; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các thỏa thuận quốc tế về biển của thành phố đã được ký kết; nghiên cứu dự báo chiến lược các vấn đề quốc tế liên quan đến chính sách phát triển các vùng biển của thành phố.

- Vận động, thu hút các dự án đầu tư nước ngoài (chính phủ, phi chính phủ) về phát triển kinh tế biển, quản lý tổng hợp vùng bờ, nâng cao nhận thức và đời sống nhân dân khu vực ven biển, công nghệ biển, bảo vệ môi trường biển, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và an ninh trên biển.

- Kết nối các chương trình hợp tác quốc tế về biển với các địa phương, đối tác và tổ chức quốc tế có thế mạnh về phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường biển, đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật biển, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho mục tiêu phát triển kinh tế của thành phố và thắt chặt tình hữu nghị trên nguyên tắc giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia trên biển.

2.4. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Hải Phòng

Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các Sở, ban, ngành có liên quan bảo đảm thực hiện tốt việc xác lập chủ quyền nước ta trên vùng biển của thành phố; giữ vững an ninh, chính trị, kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo.

2.5. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện tối nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo của thành phố. Giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên khu vực biên giới biển, đảo, cửa khẩu cảng của thành phố.

2.6. Công an thành phố

Chủ trì, cùng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố và các cơ quan liên quan đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng các vấn đề về biển, đảo để chống phá; làm tốt nhiệm vụ

phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực ven biển, hải đảo.

2.7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn để triển khai các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ.

2.8. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan thẩm định, trình cấp có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản về phí, lệ phí cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

2.9. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp thành phố về biển và hải đảo và triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ khác, bảo đảm khoa học và công nghệ thực sự là khâu đột phá trong thực hiện và Chương trình hành động của Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 và Nghị quyết số 36-NQ/TƯ.

2.10. Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ động phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, nhất là nhân lực chất lượng cao, cùng với khoa học và công nghệ làm khâu đột phá trong thực hiện Chương trình hành động của thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 và Nghị quyết số 36-NQ/TƯ.

2.11. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương chỉ đạo hướng dẫn công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng gắn kết chặt chẽ với công tác thông tin đối ngoại đảm bảo hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức, nội dung về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của thành phố trong toàn hệ thống chính trị, trong nhân dân thành phố, đồng bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin cho các cơ quan truyền thông phục vụ công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của thành phố.

2.12. Sở Văn hóa và Thể thao

Tổ chức thực hiện tốt việc trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa và phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư ven biển; tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền nâng cao nhận thức về biển và đại dương cho nhân dân thành phố, phục vụ và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân vùng biển, hải đảo.

2.13. Sở Du lịch

Thực hiện các nhiệm vụ phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho thành phố xây dựng Cát Bà, Đồ Sơn cùng với Hạ Long trở thành trung tâm du lịch quốc tế.

2.14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), phòng, chống thiên tai từ biển; xây dựng chính sách về nuôi trồng và khai thác hải sản, bảo tồn biển, quỹ tái tạo nguồn lợi thủy sản. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt các kế hoạch phát triển các khu bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2.15. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị du lịch, công nghiệp ven biển; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các quận, huyện ven biển và hai huyện đảo.

2.16. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường thủy nội địa phục vụ phát triển kinh tế biển. Hoàn thiện mạng lưới trung tâm logistics trên địa bàn thành phố.

2.17. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các chính sách về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có

trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường; phát triển các cụm công nghiệp ven biển; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics.

2.18. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác quản lý, phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố theo tiêu chí khu công nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; từng bước chuyển đổi các khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chú trọng thu hút các ngành công nghiệp mũi nhọn, có năng suất, giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học - công nghệ cao, công nghệ sạch, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, thân thiện môi trường.

2.19. Ủy ban nhân dân các huyện: Cát Hải, Bạch Long Vĩ

Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện của địa phương trong năm 2020; triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động này; rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy hoạch, kế hoạch cần tích hợp trong quy hoạch thành phố; tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển huyện đảo; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và trước tháng 12 hàng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo liên ngành, Ủy ban nhân dân thành phố.

2.20. Các Sở, ngành ngoài các nhiệm vụ cụ thể nêu trên và Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định này và chức năng, nhiệm vụ của ngành, tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ nhằm phát triển bền vững kinh tế biển; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và trước tháng 12 hàng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo liên ngành, Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tiếp tục thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân thành phố ban hành những năm trước đây còn hiệu lực thi hành thuộc phạm vi điều chỉnh trên các vùng biển và hai huyện đảo; đồng thời triển khai thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động này *(Phụ lục kèm theo)*.

2.21. Đề nghị Thành ủy Hải Phòng quan tâm chỉ đạo các huyện uỷ, quận uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Thành ủy tích cực phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ đạo liên ngành trong việc lãnh đạo thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Nghị quyết số 36-NQ/TƯ.

2.22. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân thành phố trên cơ sở thực tiễn địa phương, xem xét đề xuất điều chỉnh, bổ sung các luật, nghị định, pháp lệnh và nghị quyết; điều chỉnh, bổ sung và bố trí ngân sách triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch.

2.23. Đề nghị Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

# PHỤ LỤC

## DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CỦA KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM

**Thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 36-NQ/TƯ ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1393. QĐ/UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| I | **Về quản trị biển, quản lý vùng bờ** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 1 | Kiện toàn Cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đứng đầu. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nội vụ, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020 |
| 2 | Ban hành Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thành phố giai đoạn 2020-2025. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tư pháp, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 3 | Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển và hải đảo. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tư pháp, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 4 | Xây dựng bộ chỉ số tổng hợp quản lý vùng biển của thành phố theo chuẩn mực quốc tế (trên cơ sở bộ chỉ số do trung ương ban hành). | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 5 | Xây dựng các mô hình đồng quản lý. Phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Vườn Quốc gia Cát Bà, Uỷ ban nhân dân huyện Cát Hải, Bạch Long Vỹ, các Sở, ngành, địa phương | | 2020-2022 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Rà soát, đánh giá các chính sách, pháp luật về biển. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của UBND thành phố để hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý biển và hải đảo. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tư pháp, Kế hoạch và đầu tư, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2021 |
| 7 | Đề án nâng cao năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật Chi cục Biển và Hải đảo - Sở Tài nguyên và Môi trường theo yêu cầu nhiệm vụ trong giai doạn mới. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nội vụ, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2021 |
| 8 | Sơ kết, tổng kết việc thi hành và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo theo Quyết định số 91/QĐ-BTNMT ngày 13/01/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025 |
| 9 | Hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020 |
| 10 | Lập hồ sơ hải đảo. Nâng cấp hiện đại hóa cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 11 | Chương trình quan trắc tổng hợp tài nguyên môi trường biển. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 12 | Triển khai đề án điều tra phân loại các nguồn thải trên biển. Đề xuất các giải pháp xử lý. Xây dựng kế hoạch quản lý rác thải nhựa đại dương. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 13 | Đề án ứng dụng công nghệ viễn thám trong quản lý tổng hợp biển, hải đảo. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 14 | Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn để triển khai các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 15 | Xây dựng, trình ban hành Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thành phố giai đoạn 2025-2030. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025 |
| 16 | Tiếp tục rà soát, đánh giá các chính sách, pháp luật về biển. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý biển và hải đảo. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tư pháp, Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2027 |
| 17 | Vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2027 |
| 18 | Cập nhật, bổ sung Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn thành phố. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025 |
| 19 | Xây dựng kế hoạch đầu tư công. Bố trí vốn để triển khai các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| **II** | **Về phát triển các ngành kinh tế biển** | | | | |
| ***1*** | ***Kinh tế hàng hải*** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 20 | Phối hợp cùng Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam triển khai đề án nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống cảng biển Hải Phòng. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | Bộ GTVT | 2020-2022 |
| 21 | Phối hợp cùng nhà đầu tư tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện các bến cảng tiếp theo (số 3, 4) của Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện. Dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác năm 2022 bến số 3 và hoàn thành toàn bộ dự án năm 2025. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | Cấp có thẩm quyền | 2020-2025 |
| 22 | Tổ chức thực hiện Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| | hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics Việt Nam đến năm 2025. | | | | |
| 23 | Triển khai quy hoạch logistics và đầu tư xây dựng trung tâm logistics tại Lạch Huyện và Nam Đình Vũ, VSIP, Tràng Duệ, Tiên Lãng và trung tâm chuyên dùng hàng không Cát Bi. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 24 | Phối hợp các cơ quan liên quan triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông kết nối trung tâm Logistics tại Lạch Huyện và Nam Đình Vũ, VSIP, Tràng Duệ, Tiên Lãng và trung tâm chuyên dùng hàng không Cát Bi giai đoạn 2020 - 2025. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 25 | Phối hợp cùng nhà đầu tư: nâng cao năng lực cảng Chùa Vẽ, các cảng khu vực Đình Vũ, tiếp tục xây dựng các cảng khu vực Nam Đình Vũ. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 26 | Triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 27 | Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án phát triển các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động cảng biển, dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 28 | Xây dựng Đề án Ứng dụng và Phát triển E- logistics thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| | *Đến năm 2030* | | | | |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 29 | Phối hợp cùng nhà đầu tư xây dựng các bến còn lại của cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | Cấp có thẩm quyền | 2025-2030 |
| 30 | Phối hợp các cơ quan liên quan nâng cấp, mở rộng các trung tâm logistic, triển khai xây dựng các trung tâm logistic giai đoạn 2025 - 2030. Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch, chủ động báo cáo UBND thành phố điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 31 | Tiếp tục thực hiện Đề án Ứng dụng và Phát triển E- logistics thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2025-2030). | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 32 | Tiếp tục triển khai Đề án Phát triển các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động cảng biển, dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng cơ sở dữ liệu về dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| ***2*** | ***Du lịch và dịch vụ biển*** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 33 | Triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững du lịch, dịch vụ biển và hải đảo Việt nam sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | Chính phủ | 2020-2025 |
| 34 | Triển khai thực hiện Đề án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch bền vững quần đảo Cát Bà đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 35 | Thu hút các nhà đầu tư chiến lược như: Tập đoàn Vingroup, tập đoàn Sun Group, Tập đoàn FLC, Tập đoàn Flamingo, Tập đoàn BRG, Công ty Cổ phần Him Lam,... Đầu tư các dự án phát triển sản phẩm du lịch tại khu vực quần đảo Cát Bà, bán đảo Đồ Sơn, đặc biệt là các khu vui chơi giải trí, khách sạn cao cấp có thương hiệu quốc gia, quốc tế; bến tàu khách, dịch vụ hỗ trợ khách du lịch...theo quy hoạch. | Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch | Sở Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 36 | Hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch đầu tư phát triển sản phẩm du lịch biển, đảo, ưu đãi tối đa trong khung quy định đối với đầu tư du lịch tại đảo xa; chỉ đạo các doanh nghiệp lữ hành có những biện pháp kích cầu và tạo ra những sản phẩm mới, đa dạng cho nhóm du khách tàu biển với những chương trình tour đặc sắc; khai thác các dịch vụ nghỉ dưỡng, giải trí, khám phá, thể thao trên mặt biển, dưới đáy biển và ngoài đảo xa; đa dạng hóa sản phẩm du lịch biển, nâng cao giá trị gia tăng và khai thác các tiềm năng, lợi thế từ biển. Thí điểm phát triển loại hình du lịch sinh thái tại đảo Bạch Long Vỹ. | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 37 | Tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch biển đảo gắn với các sự kiện văn hóa, lễ hội, thể dục thể thao, hội chợ, hội nghị, hội thảo. Tổ chức các đoàn Fantrip, Presstrip để tăng cường việc liên kết, nối tour đưa khách về tham quan các khu du lịch biển và quảng bá hình ảnh điểm đến. | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | Hàng năm |
| 38 | Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại các trọng điểm du lịch biển Cát Bà và Đồ Sơn. | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 39 | Phát triển du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, sử dụng năng lượng sạch trong phát triển du lịch biển đảo, đặc biệt ở những đảo xa bờ thiếu nguồn nước ngọt, tự cấp nguồn năng lượng | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 40 | Mở tuyến du lịch ra đảo Bạch Long Vỹ và các vùng biển, đảo xa bờ. | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2028 |
| 41 | Đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao tại các trọng điểm du lịch biển Cát Bà, Đồ Sơn và các khu du lịch biển, đảo xa bờ | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2028 |
| 42 | Tăng cường năng lực và có sự chuẩn bị thích ứng với những tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng, những bất thường về thời tiết và tác động của thiên tai như lũ quét, sóng thần... | Sở Du lịch | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| ***3*** | ***Công nghiệp ven biển*** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 43 | Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tập trung huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng kĩ thuật các cụm công nghiệp ven biển. Xây dựng quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp thành phố Hải Phòng | Sở Công Thương | Sở Xây dựng, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 44 | Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp do ngân sách thành phố đảm bảo theo Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 45 | Thành lập các khu công nghiệp mới theo hướng đảm bảo các tiêu chí của khu công nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; từng bước chuyển đổi các khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái. Trước mắt, thí điểm chuyển đổi Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền thành Khu công nghiệp sinh thái. | Ban quản lý Khu kinh tế | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 46 | Đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, đầu tư có điều kiện và không chấp thuận đầu tư trên địa bàn thành phố giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 47 | Thu hút các ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn, có năng suất, giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học - công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp biển, công nghiệp điện tử, điện gia dụng, công nghiệp hàng xuất khẩu, các ngành công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm có khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên thu hút công nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường. Không thu hút đầu tư những dự án gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu và giá trị gia tăng thấp. Chỉ cấp phép đầu tư đối với các dự án phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, chứng minh được nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, công nghệ tiên tiến, hiện đại. | Ban quản lý Khu kinh tế | Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 48 | Đề án phát triển các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử và chế biến nông sản, thực phẩm thành phố Hải Phòng với tỉnh, thành phố trong cả nước. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 49 | Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 50 | Xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp do ngân sách thành phố đảm bảo trong giai đoạn 2026-2030. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 51 | Tiếp tục thực hiện Chương trình công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2025 -2030). | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 52 | Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế và các khu công nghiệp. Đảm bảo 100% các khu công nghiệp khi đi vào hoạt động đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xa thải ra môi trường. | Ban quản lý Khu kinh tế HP | Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| ***4*** | ***Nuôi trồng và khai thác thủy sản*** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 53 | Xây dựng cảng cá động lực và hạ tầng cơ bản của các phân khu chức năng (cầu cảng, khu mặt nước, luồng tàu, nhà quản lý...). Nâng cấp, cải tạo tổ hợp các cảng cá gắn với các khu neo đậu tránh trú bão trong vùng hấp dẫn với Cảng động lực, gồm: Cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão Bạch Long Vỹ; cảng cá Ngọc Hải, quận Đồ Sơn; cảng cá Mắt Rồng, Đông Xuân, huyện Thủy Nguyên; cảng cá Quán Chánh, huyện Kiến Thụy. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 54 | Đầu tư xây dựng: khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Văn Úc, huyện Tiên Lãng; cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão tại bến cá Quan Chánh (giai đoạn 2); nâng cấp cảng cá Ngọc Hải, quận Đồ Sơn kết hợp khu neo đậu tránh trú bão. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 55 | Dự án xây dựng Trung tâm kiểm soát cứu hộ, cứu nạn tàu cá, Trung tâm đăng kiểm tàu cá cấp vùng tại cảng cá động lực và tại đảo Bạch Long Vỹ. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 56 | Dự án xây dựng, nâng cấp cảng cá và khu neo đậu tàu phía Tây Nam đảo Bạch Long Vỹ thành cảng cá loại 1 và khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 68 | Hoàn thành việc cắt giảm, sắp xếp lại cơ sở nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch; xây dựng vùng nuôi thủy sản xanh, bền vững, gắn việc nuôi cá lồng bè trên vịnh với phát triển du lịch, mỗi cơ sở nuôi trồng thủy sản là một điểm tham quan du lịch. | Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải | Các Sở, ngành thành phố | UBND thành phố | 2020-2025 |
| | *Đến năm 2030:* | | | | |
| 69 | Đảo Cát Bà trở thành trung tâm du lịch biển, đảo quốc gia và quốc tế; đảo Cát Hải thành trung tâm dịch vụ cảng biển và dịch vụ logistics quốc tế, khu công nghiệp công nghệ cao. Số khách du lịch đạt 10 triệu trở lên (trong đó trên 2 triệu lượt khách quốc tế). | Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, chủ đầu tư dự án. | Các Sở, ngành thành phố | UBND thành phố | 2025-2030 |
| ***6*** | ***Năng lượng tái tạo và ngành kinh tế biển mới*** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 70 | Đề xuất triển khai đầu tư phát triển năng lượng tái tạo từ: khai thác điện gió, điện mặt trời, điện nhiên liệu sinh học... | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 71 | Ưu tiên ứng dụng các mô hình, giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, quản lý khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trong đó tập trung nghiên cứu sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, sức gió, sóng biển, thủy triều; ứng dụng các công nghệ và giải pháp tiết kiệm năng lượng. Nghiên cứu áp dụng hệ thống phát điện thông minh, công nghệ hiện đại tại một số điểm du lịch sinh thái trên các vịnh, đảo. | Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải | Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành thành phố | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 72 | Cấp điện cho huyện đảo Bạch Long Vỹ bằng năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đảm bảo quốc phòng, an ninh. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 73 | Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2030 theo Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 74 | Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2030 theo Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ. | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| *7* | ***Phát triển cơ sở hạ tầng*** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 75 | Phối hợp cùng chủ đầu tư xây dựng, nâng cấp hoàn chỉnh tuyến quốc lộ 10: đoạn tuyến còn lại từ cầu Quán Toan - Bí Chợ (dài khoảng 20 km). | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | Cơ quan có thẩm quyền | 2021-2023 |
| 76 | Phối hợp cùng chủ đầu tư xây dựng tuyến Quốc lộ 37 đoạn qua Hải Phòng. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | Cơ quan có thẩm quyền | 2020-2022 |
| 77 | Phối hợp cùng Chủ đầu tư xây dựng đường và cầu Tân Vũ - Lạch Huyện 2 | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | Cơ quan có thẩm quyền | 2021-2025 |
| 78 | Phối hợp cùng Chủ đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 2, vành đai 3. | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, ngành, địa phương | Cơ quan có thẩm quyền | 2020-2025 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 79 | Đề án xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. | Sở Xây dựng | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2021-2025 |
| **III** | **Về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó thân thiện với biển** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 80 | Tập trung thực hiện Nghị quyết 22/HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND về công trợ kinh phí trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa xếp hạng cấp thành phố giai đoạn 2018-2025, trong đó tập trung thực hiện việc tu bổ, tôn tạo những di tích lịch sử văn hóa khu vực ven biển. | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 81 | Đánh giá hiện trạng thiết chế văn hóa và xây dựng các giải pháp nhằm duy trì thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư ven biển. | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 82 | Đề xuất với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ kinh phí từ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa để tu bổ, tôn tạo một số di sản văn hóa cấp quốc gia, như các di tích lịch sử văn hóa quốc gia; Lễ hội phi vật thể quốc gia như Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn. Đề xuất xếp hạng một số lễ hội truyền thống thành lễ hội phi vật thể quốc gia như: Lễ hội làng cá Cát Bà, Lễ hội đảo Dáu (Đồ Sơn). | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 83 | Đề xuất nhiệm vụ và các giải pháp bảo tồn một số di sản phi vật thể tiêu biểu như: Hát đúm, Ca Trù... | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 84 | Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền, trưng bày, triển lãm, chiếu phim, nói chuyện chuyên đề về biển đảo trên địa bàn thành phố và khu vực ven biển, hải đảo nhằm nâng cao nhận thức về biển và đại dương của nhân dân thành phố và cư dân vùng ven biển; phục vụ và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân vùng biển, hải đảo. | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 85 | Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật thành phố tổ chức các cuộc thi, trại sáng tác các tác phẩm văn học - nghệ thuật, các cuộc triển lãm tranh - ảnh nghệ thuật về tình yêu biển đảo. | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 86 | Tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về xây dựng văn hóa biển và Chiến lực phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đến với công chúng thành phố. | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 87 | Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn các khu vực ven biển. | Sở Văn hóa thể thao | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| **IV** | **Về khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 88 | Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp thành phố. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 89 | Triển khai Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học biển đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 90 | Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc cấp hạn ngạch khai thác hải sản cho các đội tàu hoạt động ở vùng biển ven bờ và vùng lộng Hải Phòng. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nông nghiệp và Phat triển nông thôn, các Sở, ngành, địa phương; các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 91 | Đề án nghiên cứu giải pháp giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm trên tàu khai thác hải sản ở Hải Phòng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành, địa phương; các viện nghiên cứu. | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 92 | Kế hoạch bảo tồn và khai thác nguồn gen một số loài thủy sinh vật biển có giá trị kinh tế, quý, hiếm tại vùng biển Hải Phòng | Vườn Quốc gia Cát Bà, BQL KBTB Bạch Long Vỹ. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở, ngành, địa phương; các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 93 | Hoàn thiện và ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực tái tạo nguồn lợi, phục hồi các hệ sinh thái biển theo hướng phát triển bền vững. | Sở Khoa học và Công nghệ | Viện nghiên cứu hải sản, BQL KBTB Bạch Long Vỹ; Vườn Quốc gia Cát Bà; Sở, ngành, địa phương. | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 94 | Lập và phát triển vùng nguyên liệu dược liệu biển phục vụ khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi tại vùng biển Hải Phòng | Vườn Quốc gia Cát Bà, BQL KBTB Bạch Long Vỹ. | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu. | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 95 | Tăng cường năng lực cho các tổ chức KH&CN biển. Tập trung đầu tư một số đơn vị có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại cho các cơ sở nghiên cứu, các viện, trường đại học, các tổ chức KH&CN biển. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 96 | Thành lập các khu hoặc vùng ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 97 | Đánh giá hiện trạng và phát triển nguồn dược liệu biển có hoạt tính sinh học cao làm nguyên liệu cho y dược tại các khu bảo tồn biển thành phố. | Vườn Quốc gia Cát Bà, BQL KBTB Bạch Long Vỹ. | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 98 | Điều tra tổng thể đa dạng sinh học các hệ sinh thái biển phục vụ quản lý và phát triển bền vững. | Vườn Quốc gia Cát Bà, BQL KBTB Bạch Long Vỹ. | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2024 |
| 99 | Nghiên cứu phục hồi và sử dụng hợp lý nguồn lợi hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển thành phố Hải Phòng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 100 | Nghiên cứu tái tạo các hệ sinh thái biển có giá trị cao về đa dạng sinh học và cảnh quan phục vụ bảo tồn và phát triển du lịch biển. | Vườn Quốc gia Cát Bà, BQL KBTB Bạch Long Vỹ. | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 101 | Nghiên cứu đánh giá lợi thế và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị các đối tượng khai thác chủ lực ở Hải Phòng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 102 | Nghiên cứu đề xuất giải pháp sắp xếp cơ cấu đội tàu khai thác khu vực ven bờ và vùng lộng biển Hải Phòng nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 103 | Nghiên cứu xây dựng và thử nghiệm mô hình nuôi biển phù hợp với điều kiện của Hải Phòng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 104 | Khảo sát các vùng bãi đẻ, nguồn giống tự nhiên các loài kinh tế quý hiếm ở vùng biển Hải Phòng phục vụ phát triển kinh tế biển | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 105 | Ứng dụng trang thiết bị phục vụ khai thác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội tàu khai thác hải sản xa bờ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2022 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 106 | Tiếp tục triển khai có hiệu quả 6 chương trình khoa học và công nghệ có mục tiêu và 5 chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của thành phố. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2028 |
| 107 | Xây dựng kế hoạch bảo tồn và khai thác nguồn gen một số loài thủy sinh vật biển có giá trị kinh tế, quý, hiếm tại các khu bảo tồn biển biển. | Vườn Quốc gia Cát Bà, BQL KBTB Bạch Long Vỹ. | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2025-2026 |
| 108 | Hoàn thiện và ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực tái tạo nguồn lợi, phục hồi các hệ sinh thái biển theo hướng phát triển bền vững | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2025-2028 |
| 109 | Lập và phát triển vùng nguyên liệu dược liệu biển phục vụ khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi tại vùng biển Hải Phòng | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2025-2028 |
| **V** | **Về môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 110 | Quy hoạch chi tiết khu Bảo tồn biển Cát Bà, Bạch Long Vỹ. | Vườn Quốc gia Cát Bà, UBND huyện Bạch Long Vỹ | Các Sở, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 111 | Xây dựng giải pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rác thải nhựa trong hoạt động sản xuất của nghề cá biển (khai thác, nuôi trồng trên biển, cảng cá, bến cá, khu sơ chế - chế biến, KBTB, hải đảo) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường, địa phương ven biển. | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 112 | Nghiên cứu đánh giá hiện trạng ô nhiễm rác thải nhựa từ hoạt động du lịch ở vùng biển Hải Phòng và đề xuất giải pháp giảm thiểu nhằm bảo vệ môi trường. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Du lịch, địa phương ven biển, các viện nghiên cứu. | UBND thành phố | 2020-2022 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 113 | Đánh giá ảnh hưởng của bão và nước biển dâng đến các hệ sinh thái vùng bờ Hải Phòng và giải pháp ứng phó. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vườn Quốc gia Cát Bà, Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 114 | Tác động của chất thải vi nhựa đến sinh vật vùng bờ biển Hải Phòng và giải pháp quản lý, giảm thiểu. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vườn Quốc gia Cát Bà, Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 115 | Nghiên cứu các giải pháp sinh sản nhân tạo nguồn giống san hô nhằm phục hồi, phát triển bền vững hệ sinh thái rạn san hô cho vùng biển Cát Bà - Long Châu, Hải Phòng | Vườn Quốc gia Cát Bà | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 116 | Nghiên cứu cơ sở khoa học - kỹ thuật giám sát và xử lý hiệu quả vi sinh vật gây bệnh cho người và hải sản ven biển Hải Phòng | Sở Khoa học và Công nghệ | Trường Đại học Y - Dược Hải phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan. | UBND thành phố | 2020-2022 |
| 117 | Nghiên cứu tác động của ô nhiễm môi trường đến các chu trình sinh địa hóa vùng biển đảo Cát Bà và đề xuất các giải pháp duy trì đa dạng sinh học. | Sở Khoa học và Công nghệ | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan. | UBND thành phố | 2020-2023 |
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 118 | Nghiên cứu các giải pháp phục vụ bảo vệ môi trường biển, phòng chống suy thoái hệ sinh thái của các khu vực đảo, ven biển, bảo vệ các hệ sinh thái đặc thù. | Sở Khoa học và Công nghệ. | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 119 | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, xử lý nước biển thành nước ngọt. | Sở Khoa học và Công nghệ. | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2027 |
| 120 | Nghiên cứu phân loại nguồn gốc, sự phân bố, di chuyển và tác động của rác thải khu vực ven biển Hải Phòng. | Sở Khoa học và Công nghệ. | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2028 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| **VI** | **Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế** | | | | |
| | *Đến năm 2025* | | | | |
| 121 | Tiếp tục quán triệt và thực hiện hiệu quả Luật Biển Việt Nam và các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; Nghị quyết số 45 - NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 28- NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới. | Bộ Chỉ huy quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 122 | Quản lý chặt chẽ đất và công trình quốc phòng, từng bước đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng, các công trình phòng thủ ven biển, Cảng quân sự theo Quy hoạch xây dựng thế trận quân sự khu vực phòng thủ thành phố Hải Phòng đã được Bộ Quốc phòng phê duyệt. Triển khai xây dựng trận địa pháo phòng không 37mm; Trạm tiếp nhận, trung chuyển, nuôi dưỡng lực lượng làm nhiệm vụ trên đảo Bạch Long Vỹ và bến neo đậu phương tiện cứu hộ, cứu nạn thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố tại đảo Vũ Yên, quận Hải An. | Bộ Chỉ huy quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 123 | Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh; triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định 145/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược hợp tác *"Hai hành lang một vành đai"* kinh tế Việt Nam - Trung Quốc. | Bộ Chỉ huy quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2023 |
| 124 | Triển khai Đề án số 106009/ĐA-BQP ngày 24/9/2018 của Bộ Quốc phòng về xây dựng Hải đội Dân quân thường trực tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo trong tình hình mới | Bộ Chỉ huy quân sự TP, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng HP | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2022 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 125 | Tiếp tục phối hợp với Văn phòng Ban Quản lý di sản thiên nhiên quần đảo Cát Bà chủ trì, triển khai ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phối hợp với tỉnh Quảng Ninh xây dựng, hoàn thiện Hồ sơ đề cử Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà, chuẩn bị trình UNESCO công nhận | Sở Ngoại vụ | Sở Du lịch, Ban quản lý di sản thiên nhiên quần đảo Cát Bà | UNESCO | 2020-2022 |
| 126 | Tiếp tục kết nối, theo dõi các dự án hợp tác với thành phố Kitakyushu (Nhật Bản) về tăng trưởng xanh | Sở Ngoại vụ | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 127 | Thúc đẩy hợp tác logistics giữa Hải Phòng với các địa phương trong hành lang kinh tế 5 tỉnh Việt Nam - Trung Quốc, hợp tác "Hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt Nam - Trung Quốc", đặc biệt chú trọng vào phát triển liên kết giao thông đường bộ, đường sắt và đường hàng không nhằm phát huy lợi thế Cảng biển cửa ngõ quốc tế Hải Phòng hướng tới trở thành trung tâm logistics, kho bãi, vận tải hàng hóa khu vực miền Bắc và vùng Tây Nam và các địa phương lân cận của Trung Quốc | Sở Ngoại vụ | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| 128 | Tổ chức các hội nghị, tập huấn, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo và thông tin thời sự về tình hình biển, đảo cho cán bộ, đảng viên, nhân dân thành phố, kiều bào và thân nhân tại nước ngoài nhằm nâng cao ý thức đấu tranh bảo vệ, giữ gìn chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. | Sở Ngoại vụ | Hội Liên lạc Việt kiều, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2020-2025 |
| | *Đến năm 2030* | | | | |
| 129 | Tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành triển khai xây dựng Quân cảng Nam Đồ Sơn vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ cho mục đích quốc phòng | Sở Giao thông vận tải | Bộ Chỉ huy quân sự thành phố và các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 130 | Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, bảo đảm, duy trì trật tự an ninh trên biển đảo, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển, vùng trời Tổ quốc. Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác quân sự, quốc phòng địa phương; phát huy vai trò của cơ quan quân sự, công an, biên phòng và các ngành chức năng chủ động tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền các cấp phát triển kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh, nhất là trong việc xây dựng lực lượng dân quân biển tham gia đánh bắt thủy, hải sản xa bờ và xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh các vùng biển đảo... | Bộ Chỉ huy quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 131 | Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống bão lụt - tìm kiếm cứu nạn và xây dựng kế hoạch khắc phục hậu quả xâm mặn, nước biển dâng. Chỉ đạo các quận, huyện tổ chức tốt diễn tập phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn. Tổ chức trồng, bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ ven biển. Đồng thời đầu tư trang thiết bị, phương tiện hiện đại trong công tác đánh bắt thủy hải sản xa bờ, công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển, công tác dự báo bão, cảnh báo sóng thần... góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược biển Hải Phòng và chiến lược biển Việt Nam, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh Quốc gia. | Bộ Chỉ huy quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố | Các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |
| 132 | Tiếp tục triển khai các hội nghị, tập huấn, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo và thông tin thời sự về tình hình biển, đảo cho cán bộ, đảng viên, nhân dân thành phố, kiều bào và thân nhân tại nước ngoài nhằm nâng cao ý thức đấu tranh bảo vệ, giữ gìn chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. | Sở Ngoại vụ | Hội Liên lạc Việt kiều, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ, đề án, dự án | Cơ quan chủ trì, chủ đầu tư dự án | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt, ban hành | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|
| 133 | Chủ động kết nối, hợp tác với các tổ chức, địa phương quốc tế để nghiên cứu, triển khai áp dụng các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển kinh tế biển bền vững tại thành phố. | Sở Ngoại vụ | Hội Liên lạc Việt kiều, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố, các Sở, ngành, địa phương | UBND thành phố | 2025-2030 |